

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**BỘ GIÁO DỤC VÀ
ĐÀO TẠO****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10/2007/QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH**ban hành Bộ chương trình khung giáo dục đại học khối ngành
kinh tế - quản trị kinh doanh trình độ cao đẳng****BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 85/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Theo kết quả thẩm định của Hội đồng xây dựng chương trình khung giáo dục đại học khối ngành kinh tế - quản trị kinh doanh ngày 05 tháng 8 năm 2006;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đại học và Sau Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ chương trình khung giáo dục đại học khối ngành kinh tế - quản trị kinh doanh trình độ cao đẳng, bao gồm hai chương trình khung của hai ngành sau:

1. Ngành Tài chính - Ngân hàng;
2. Ngành Hệ thống thông tin quản lý.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Bộ chương trình khung ban hành kèm theo Quyết định này được dùng trong các đại học, học viện, các trường

09670637

đại học, cao đẳng có nhiệm vụ đào tạo hai ngành trên.

Điều 3. Căn cứ Bộ chương trình khung quy định tại Quyết định này Giám đốc các đại học, học viện, Hiệu trưởng các trường đại học và trường cao đẳng xác định chương trình giáo dục của trường mình; tổ chức biên soạn và duyệt giáo trình các môn học để sử dụng chính thức trong trường, trên cơ sở thẩm định của Hội đồng thẩm định giáo trình do Giám đốc hoặc Hiệu trưởng thành lập.

Điều 4. Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Đại học và Sau Đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc các đại học, học viện; Hiệu trưởng các trường đại học, trường cao đẳng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bành Tiến Long

**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG
GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

Khối ngành: Kinh tế - Quản trị kinh doanh

**Trình độ đào tạo: Cao đẳng
Ngành Tài chính - Ngân hàng**

CHƯƠNG TRÌNH

khung giáo dục đại học

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Ngành đào tạo: Tài chính - Ngân hàng (Finance and Banking)

Mã ngành:

*(ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BGDĐT
ngày 24 tháng 4 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

1. Mục tiêu đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt; nắm vững các kiến thức cơ bản về quản lý kinh doanh, các kiến thức về tài chính - ngân hàng, marketing, kế toán và kinh tế; thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ trong lĩnh vực chuyên môn; có khả năng tự học tập để thích ứng với môi trường làm việc trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm các công việc chuyên môn về

tài chính - ngân hàng ở các doanh nghiệp vừa và nhỏ thuộc tất cả các thành phần kinh tế, các đơn vị, tổ chức và các cơ quan hành chính sự nghiệp.

2. Khung chương trình đào tạo

2.1. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo theo thiết kế

140 đơn vị học trình (viết tắt là đvht) chưa kể phần nội dung Giáo dục Thể chất (3 đvht) và Giáo dục Quốc phòng (135 tiết).

Thời gian đào tạo 3 năm.

2.2. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

đvht

2.2.1.	Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu (Chưa kể các phần nội dung Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng)	43
2.2.2.	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu	97
	Trong đó tối thiểu:	
	- Kiến thức cơ sở của khối ngành và ngành	20
	- Kiến thức ngành (kể cả kiến thức chuyên ngành)	45
	- Kiến thức bổ trợ	
	- Thực tập nghề nghiệp và thi tốt nghiệp	13

3. Khối kiến thức bắt buộc

3.1. Danh mục các học phần bắt buộc

3.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

37 đvht*

1	Triết học Mác - Lênin	4
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	6
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3
6	Ngoại ngữ	10
7	Toán cao cấp	4
8	Tin học đại cương	4
9	Giáo dục Thể chất	3
10	Giáo dục Quốc phòng	135 tiết

* Chưa tính các học phần 9 và 10

3.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

38 đvht

a) Kiến thức cơ sở của khối ngành và ngành

20 đvht

1	Kinh tế vi mô	4
2	Pháp luật kinh tế	3
3	Nguyên lý thống kê	3
4	Nguyên lý kế toán	3
5	Quản trị học	3
6	Marketing căn bản	4

b) Kiến thức ngành

18 đvht

1	Tài chính học	3
2	Tiền tệ - Ngân hàng	3
3	Tài chính doanh nghiệp	4
4	Tài chính quốc tế	4
5	Thị trường tài chính	4

3.2. Mô tả nội dung các học phần bắt buộc

1. Triết học Mác-Lênin: 4 đvht

Nội dung ban hành tại Quyết định số 19/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 08 tháng 5 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin: 6 đvht

Nội dung ban hành tại Quyết định số 19/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 08 tháng 5 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học: 3 đvht

Nội dung ban hành tại Quyết định số 34/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 31 tháng 7 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: 3 đvht

Nội dung ban hành tại Quyết định số 41/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 27 tháng 8 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh: 3 đvht

Nội dung ban hành tại Quyết định số 35/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 31 tháng 7 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Ngoại ngữ (Anh văn): 10 đvht

Cung cấp những kiến thức và kỹ năng

căn bản nhất về tiếng Anh làm nền tảng vững chắc giúp sinh viên có thể tiếp thu dễ dàng những bài học ở cấp độ cao hơn. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp (Intermediate Level), đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình ngoại ngữ 7 năm ở bậc trung học phổ thông.

7. Toán cao cấp: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Không

Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về giải tích toán học như: Hàm số, ma trận, vi phân, tích phân (tích phân bất định, tích phân xác định, tích phân suy rộng) để sinh viên có đủ khả năng tiếp thu các kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn. Đồng thời rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy lô-gic, phương pháp phân tích định lượng các vấn đề kinh tế để ứng dụng khi học các học phần nâng cao.

8. Tin học đại cương: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tin học. Học phần bao gồm các nội dung: Một số khái niệm cơ bản về tin học và máy tính; Sử dụng hệ điều hành MS DOS và Windows); Soạn thảo văn bản trên máy tính; Sử dụng bảng tính EXCEL; Khai thác các dịch vụ cơ bản của mạng toàn cầu INTERNET. Ngoài ra còn giúp sinh viên hình thành và phát

triển các kỹ năng sử dụng máy vi tính và các phần mềm thông dụng nhất.

9. Giáo dục Thể chất: 3 đvht

Nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. Giáo dục Quốc phòng: 135 tiết

Nội dung ban hành tại Quyết định số 12/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 09/5/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

11. Kinh tế vi mô: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Toán cao cấp

Môn học trang bị những kiến thức cơ bản giúp cho sinh viên hiểu và biết cách phân tích các vấn đề về sử dụng nguồn lực một cách tối ưu trong phạm vi từng đơn vị kinh tế. Mặt khác, môn học cũng cung cấp những kiến thức cơ bản làm nền tảng để nghiên cứu nhiều môn học khác như: kinh tế học công cộng, kinh tế đầu tư, kinh tế quốc tế, kinh tế các ngành.

12. Pháp luật kinh tế: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Pháp luật đại cương, Quản trị học

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và hiểu biết cơ bản về những quy định pháp luật của Việt Nam liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh

doanh của doanh nghiệp; địa vị pháp lý của các doanh nghiệp; hành vi, phương thức thực hiện và các chế tài với hành vi kinh doanh; quy định về sử dụng lao động trong kinh doanh, các quy định về hợp đồng kinh tế; tranh chấp kinh tế và giải quyết các tranh chấp kinh tế trong hoạt động kinh doanh; phá sản doanh nghiệp.

13. Nguyên lý thống kê: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp, Kinh tế vi mô.

Cung cấp những vấn đề lý luận về khoa học thống kê, đối tượng nghiên cứu của nó là mặt lượng trong mối liên quan đến mặt chất của các hiện tượng kinh tế - xã hội, số lớn gắn liền với những điều kiện về không gian và thời gian cụ thể. Nội dung cơ bản của học phần là nghiên cứu quá trình tổ chức điều tra, tổng hợp số liệu, phân tích và dự đoán các hiện tượng kinh tế - xã hội bằng các phương pháp cụ thể như phân tổ thống kê, số tuyệt đối, số tương đối, số bình quân, mode, số trung vị, điều tra chọn mẫu, hồi quy tương quan, dãy số biến động theo thời gian, chỉ số.

14. Nguyên lý kế toán: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô.

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của kế toán: khái niệm, đối tượng nghiên cứu, nguyên tắc, chức

năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; Học phần còn nghiên cứu sâu các phương pháp kế toán cơ bản như phương pháp chứng từ, phương pháp tính giá, phương pháp đối ứng tài khoản, nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.

15. Quản trị học: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Pháp luật kinh tế

Cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị học được vận dụng trong kinh doanh như: bản chất, đối tượng nghiên cứu, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của quản trị học. Học phần đi sâu nghiên cứu các chức năng của quản trị như: Quản trị sản xuất và tác nghiệp, môi trường kinh doanh, quyết định trong kinh doanh, hoạch định chiến lược, quản trị nguồn nhân lực và một số vấn đề trong quản trị hiện đại như: quản trị sự thay đổi của một tổ chức, quản trị xung đột, quản trị rủi ro.

16. Marketing căn bản: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Quản trị học, Tin học đại cương.

Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về các nguyên lý marketing và việc vận dụng vào thực tiễn kinh doanh, bao gồm: Định nghĩa marketing hiện đại; Đại cương hoạt động marketing của doanh nghiệp như môi trường marketing và thị trường của doanh nghiệp; Nhận

dạng nhu cầu và hành vi khách hàng; Phương pháp luận nghiên cứu marketing và nguyên lý ứng xử của doanh nghiệp với thị trường của nó, bao gồm: chiến lược và các chính sách marketing căn bản, tổ chức quản trị marketing của doanh nghiệp.

17. Tài chính học: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô.

Cung cấp những vấn đề lý luận cơ bản về tài chính như: bản chất, chức năng của tài chính; Hệ thống tài chính, vị trí, vai trò của các khâu trong hệ thống tài chính; Lý luận về thị trường tài chính; Công tác kiểm tra tài chính; Khái quát những nội dung chủ yếu của hoạt động tài chính trong các lĩnh vực khác nhau như: NSNN, bảo hiểm, tín dụng, tài chính doanh nghiệp, tài chính quốc tế...

18. Tiền tệ - Ngân hàng: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô.

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về tiền tệ và cơ chế kiểm soát tiền tệ như: bản chất của tiền tệ, cung cầu tiền tệ, lạm phát tiền tệ, lãi suất, hoạt động của hệ thống trung gian tài chính, ngân hàng trung ương và việc sử dụng công cụ chính sách tiền tệ trong các điều kiện của nền kinh tế.

19. Tài chính doanh nghiệp: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý thống kê, Nguyên lý kế toán, Tài chính học.

Cung cấp những vấn đề cơ bản về bản chất, chức năng, vai trò của tài chính doanh nghiệp, quản lý vốn kinh doanh, quản lý chi phí - doanh thu - lợi nhuận, quyết định đầu tư dài hạn, lập kế hoạch tài chính và phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp.

20. Tài chính quốc tế: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Tài chính học, Tiền tệ - Ngân hàng, Tài chính doanh nghiệp

Học phần cung cấp những vấn đề có liên quan tới sự vận động của các luồng tiền tệ giữa các quốc gia như: tỷ giá hối đoái và xác lập cán cân thanh toán quốc tế; Hoạt động của thị trường tài chính quốc tế; Hoạt động đầu tư quốc tế của các tổ chức kinh tế và tài chính công ty đa quốc gia; Hoạt động tài trợ quốc tế.

21. Thị trường tài chính: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Tài chính học, Tiền tệ - Ngân hàng

Học phần trang bị những kiến thức lý luận và ứng dụng thực hành về thị trường tài chính, thị trường tiền tệ, thị trường hối đoái, thị trường chứng khoán. Trên cơ sở đó, liên hệ vận dụng nghiên cứu trong điều kiện cụ thể thực tiễn Việt Nam.

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình khung ngành tài chính - ngân hàng trình độ cao đẳng để thiết kế các chương trình đào tạo cụ thể.

Chương trình khung giáo dục là những quy định của nhà nước về cấu trúc, khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu cho từng ngành đào tạo và ứng với từng trình độ đào tạo. Đây là cơ sở giúp Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý chất lượng đào tạo tại tất cả các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc.

4.1. Chương trình khung ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ cao đẳng được thiết kế thuận lợi cho việc phát triển các chương trình đào tạo theo mô hình đơn ngành (Single Major). Danh mục các học phần (môn học) và khối lượng của chúng quy định tại mục 3 của văn bản này chỉ là những quy định tối thiểu. Căn cứ vào mục tiêu, thời gian đào tạo, khối lượng và cơ cấu kiến thức quy định tại các mục 1 và 2, các trường bổ sung những học phần cần thiết để xây dựng chương trình đào tạo cụ thể của trường mình trong phạm vi không dưới 140 đvht (chưa kể các nội dung về Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng).

4.2. Phần kiến thức chuyên ngành (nếu có) thuộc ngành Tài chính - Ngân hàng được xây dựng theo từng lĩnh vực chuyên sâu của ngành Tài chính - Ngân hàng, hoặc kết hợp nhiều lĩnh vực chuyên sâu, hoặc theo hướng phát triển theo một ngành mới khác. Ví dụ: Thuế, Hải quan, Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng, Bảo hiểm, Tài chính quốc tế, Kinh doanh chứng khoán...

Sự khác biệt về nội dung đào tạo giữa các chuyên ngành nằm trong giới hạn 20% kiến thức chung của ngành.

4.3. Phần kiến thức bổ trợ (nếu có) được trường thiết kế theo hướng bố trí các nội dung được chọn tự do, liên quan tới một hoặc nhiều ngành đào tạo khác với ngành Tài chính - Ngân hàng, nhưng xét thấy có lợi cho việc mở rộng năng lực hoạt động của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

4.4. Giám đốc các đại học (học viện), Hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng ký quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ cao đẳng để triển khai thực hiện trong phạm vi trường mình./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bành Tiến Long

**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG
GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

Khối ngành: Kinh tế - Quản trị kinh doanh

**Trình độ đào tạo: Cao đẳng
Ngành Hệ thống thông tin quản lý**

CHƯƠNG TRÌNH

khung giáo dục đại học

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Ngành đào tạo: Hệ thống thông tin quản lý (Management Information Systems)

Mã ngành:

*(ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BGDĐT
ngày 24 tháng 4 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

1. Mục tiêu đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Hệ thống thông tin quản lý trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt; nắm vững những kiến thức cơ bản về quản lý, quản trị kinh doanh, các kiến thức về hệ thống thông tin quản lý; có kỹ năng ứng dụng những tiến bộ khoa học công nghệ, đặc biệt ứng dụng tin học vào các hoạt động quản lý kinh tế và kinh doanh.

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm các công việc của các lập trình viên, phân tích viên hệ thống ở các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, cơ quan và tổ chức.

2. Khung chương trình đào tạo

2.1. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo theo thiết kế

140 đơn vị học trình (viết tắt là đvht), chưa kể phần nội dung Giáo dục Thể chất (3 đvht) và Giáo dục Quốc phòng (135 tiết).

Thời gian đào tạo 3 năm.

2.2. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

đvht

2.2.1.	Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu (Chưa kể các phần nội dung Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng)	43
2.2.2.	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu Trong đó tối thiểu:	97
	- Kiến thức cơ sở của khối ngành và ngành	27
	- Kiến thức ngành (kể cả kiến thức chuyên ngành)	45
	- Kiến thức bổ trợ	
	- Thực tập nghề nghiệp và thi tốt nghiệp	13

3. Khối kiến thức bắt buộc

3.1. Danh mục các học phần bắt buộc

3.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương 37 đvht *

1	Triết học Mác - Lênin	4
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	6
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3
6	Ngoại ngữ	10
7	Toán cao cấp	4
8	Tin học đại cương	4
9	Giáo dục Thể chất	3
10	Giáo dục Quốc phòng	135 tiết

* Chưa tính các học phần 9 và 10

3.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 47 đvht

a) Kiến thức cơ sở khối ngành và ngành 27 đvht

1	Kinh tế vi mô	4
2	Pháp luật kinh tế	3
3	Nguyên lý kế toán	4
4	Quản trị học	3
5	Toán rời rạc	4
6	Kiến trúc máy tính và hệ điều hành	5
7	Hệ thống thông tin quản lý	4

b) Kiến thức ngành 20 đvht

1	Cơ sở lập trình	4
2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4
3	Cơ sở dữ liệu	4
4	Mạng máy tính và truyền thông	4
5	Phát triển hệ thống thông tin	4

3.2. Mô tả nội dung các học phần bắt buộc

1. Triết học Mác-Lênin: 4 đvht

Nội dung ban hành tại Quyết định số 19/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 08 tháng 5 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin: 6 đvht

Nội dung ban hành tại Quyết định số 19/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 08 tháng 5 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học: 3 đvht

Nội dung ban hành tại Quyết định số 34/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 31 tháng 7 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: 3 đvht

Nội dung ban hành tại Quyết định số 41/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 27 tháng 8 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh: 3 đvht

Nội dung ban hành tại Quyết định số 35/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 31 tháng 7 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Ngoại ngữ (Anh văn): 10 đvht

Cung cấp những kiến thức và kỹ năng

căn bản nhất về tiếng Anh làm nền tảng vững chắc giúp sinh viên có thể tiếp thu dễ dàng những bài học ở cấp độ cao hơn. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp (Intermediate Level), đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình ngoại ngữ 7 năm ở bậc trung học phổ thông.

7. Toán cao cấp: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Không

Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về giải tích toán học như: Hàm số, ma trận, vi phân, tích phân (tích phân bất định, tích phân xác định, tích phân suy rộng) để sinh viên có đủ khả năng tiếp thu các kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn. Đồng thời rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy lô-gic, phương pháp phân tích định lượng các vấn đề kinh tế để ứng dụng khi học các học phần nâng cao.

8. Tin học đại cương: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tin học xét trên quan điểm của người sử dụng. Học phần bao gồm 5 nội dung sau: 1- Một số khái niệm cơ bản về tin học và máy tính; 2- Sử dụng hệ điều hành MS DOS và WINDOWS; 3- Soạn thảo văn bản trên máy tính; 4- Sử dụng bảng tính EXCEL; 5- Khai thác các dịch vụ cơ bản của mạng toàn cầu Internet. Đồng thời còn giúp sinh viên

hình thành và phát triển các kỹ năng sử dụng máy vi tính và các phần mềm thông dụng nhất.

9. Giáo dục Thể chất: 3 đvht

Nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. Giáo dục Quốc phòng: 135 tiết

Nội dung ban hành tại Quyết định số 12/2000/QĐ-GD-ĐT ngày 09/5/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

11. Kinh tế vi mô: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Toán cao cấp

Môn học trang bị những kiến thức cơ bản về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như: quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh và hành vi của các thành viên trong một nền kinh tế: người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ. Từ đó sinh viên có những kiến thức cơ bản giúp họ biết cách phân tích các vấn đề về sử dụng nguồn lực một cách tối ưu trong phạm vi từng đơn vị kinh tế.

12. Pháp luật kinh tế: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đại cương, Kinh tế vi mô

Học phần cung cấp cho sinh viên

những kiến thức và hiểu biết cơ bản về những quy định pháp luật của Việt Nam liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; địa vị pháp lý của các doanh nghiệp; hành vi, phương thức thực hiện và các chế tài với hành vi kinh doanh; quy định về sử dụng lao động trong doanh nghiệp; các quy định về hợp đồng kinh tế; tranh chấp kinh tế và giải quyết các tranh chấp kinh tế trong hoạt động kinh doanh; phá sản doanh nghiệp.

13. Nguyên lý kế toán: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của kế toán: Khái niệm, đối tượng nghiên cứu, nguyên tắc, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán, các phương pháp kế toán cơ bản như phương pháp chứng từ, phương pháp tính giá, phương pháp đối ứng tài khoản, nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.

14. Quản trị học: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Pháp luật kinh tế

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị học được vận dụng trong kinh doanh như: bản chất, đối tượng nghiên cứu, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của quản trị học. Ngoài ra nội dung học phần đi sâu nghiên cứu các chức

năng của quản trị như: Quản trị sản xuất và tác nghiệp, môi trường kinh doanh, quyết định trong kinh doanh, hoạch định chiến lược và quản trị nguồn nhân lực.

15. Toán rời rạc: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp

Học phần trang bị những kiến thức nền tảng làm cơ sở cho việc học tập các môn tin học thuộc cả hai lĩnh vực phần cứng và phần mềm, bao gồm: những kiến thức cơ bản về lý thuyết tập hợp; đại số mệnh đề; Lý thuyết thuật toán; lý thuyết đồ thị hữu hạn và kỹ thuật số. Chúng còn giúp sinh viên tư duy lô-gic, rành mạch, chính xác và có cách nhìn “rời rạc hóa những quá trình liên tục”.

16. Kiến trúc máy tính và Hệ điều hành: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương, Toán rời rạc

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phần cứng của máy tính và hệ điều hành. Nội dung của khối kiến thức kiến trúc máy tính gồm các vấn đề sau: 1- Phân loại máy tính; 2- Kiến trúc, nguyên lý hoạt động và chức năng của các khối cơ bản thuộc phần cứng của máy tính điện tử. Nội dung khối kiến thức về hệ điều hành gồm các vấn đề: 1- Khái niệm hệ điều hành; 2- Phân loại hệ điều hành; 3- Các chức năng của hệ điều hành; 4- Các module chính của hệ điều

hành; 5- Cài đặt và sử dụng một vài hệ điều hành thông dụng.

17. Hệ thống thông tin quản lý: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương, Quản trị học

Học phần cung cấp cách sử dụng và tái tổ chức lại hệ thống thông tin để khai thác hệ thống một cách hiệu quả nhằm góp phần tạo ra những hàng hóa và dịch vụ có chất lượng cao và dành được lợi thế cạnh tranh. Nội dung của học phần bao gồm những vấn đề cơ bản sau đây: 1- Những khái niệm cơ bản về hệ thống thông tin quản lý; 2- Các yếu tố cấu thành hệ thống thông tin quản lý; 3 - Vai trò, vị trí và tầm quan trọng của hệ thống trong tổ chức; 4- Những phương thức hệ thống thông tin quản lý trợ giúp các hoạt động kinh doanh, hỗ trợ việc ra quyết định và tạo ra lợi thế cạnh tranh; 5- Quy trình tổ chức và phương pháp tiến hành giải quyết những vấn đề kinh doanh bằng hệ thống thông tin dựa trên cơ sở công nghệ thông tin; 6- Nghiên cứu một vài hệ thống thông tin tiêu biểu dưới dạng các bài tập tình huống (Case Study).

18. Cơ sở lập trình: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương, Toán rời rạc

Cung cấp cho sinh viên những khái niệm và nguyên lý cơ bản của việc thiết kế thuật toán và lập chương trình cho

máy tính. Học phần bao gồm: các kiến thức cơ bản về thuật toán và chương trình, các cấu trúc dữ liệu tiền định trong ngôn ngữ thuật toán, các kiểu cấu trúc chương trình thông dụng như cấu trúc tuần tự, cấu trúc phân nhánh, cấu trúc lặp, kỹ thuật sử dụng chương trình con - SUB - PROGRAM, phương pháp thiết kế từ đỉnh xuống - Top - Down Design. Một ngôn ngữ lập trình cấp cao sẽ được sử dụng làm phương tiện để trình bày các kiến thức của học phần.

19. Cấu trúc dữ liệu và giải thuật: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Cơ sở lập trình

Học phần giúp sinh viên thấy được tầm quan trọng của giải thuật và các tổ chức dữ liệu - hai thành tố quan trọng nhất của một chương trình lập cho máy tính. Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về giải thuật, phương pháp thiết kế giải thuật, phương pháp đánh giá độ phức tạp của giải thuật, các kiểu cấu trúc dữ liệu thông dụng và các giải thuật trên các cấu trúc dữ liệu ấy, bao gồm danh sách - List, mảng - Array, danh sách liên kết - Linked List, ngăn xếp - Stack, hàng đợi - Queue, cây - Tree và đồ thị - Graph.

20. Cơ sở dữ liệu: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương, Toán rời rạc

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức

về: tầm quan trọng của việc quản lý dữ liệu và cách sử dụng thông tin theo quan điểm của các nhà quản lý; cơ sở lý thuyết của mô hình dữ liệu quan hệ, kỹ thuật mô hình hóa dữ liệu và ngôn ngữ SQL, một ngôn ngữ được dùng rộng rãi để truy vấn các cơ sở dữ liệu; việc tạo lập và sử dụng các cơ sở dữ liệu nhờ hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft Access, một hệ quản trị cơ sở dữ liệu vừa được đánh giá là chiếm phần thị trường lớn nhất hiện nay, kỹ năng Visual Basic để xử lý dữ liệu và quản trị cơ sở dữ liệu. Lý thuyết về kiến thức cơ sở dữ liệu để giúp sinh viên có ý thức về phương hướng phát triển của công nghệ cơ sở dữ liệu. Việc giảng dạy và học tập học phần này đòi hỏi phải thực hành với máy vi tính nên lệ thuộc rất nhiều vào số lượng và mức độ hiện đại của các phòng máy tính hiện có.

21. Mạng máy tính và truyền thông: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Kiến trúc máy tính và Hệ điều hành

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mạng máy tính và truyền thông. Nội dung của học phần bao gồm: 1- Các đặc trưng và thành phần của các kiểu mạng như LAN, WAN, Internet...; 2- Các khái niệm liên quan đến mỗi tầng trong mô hình OSI; 3- Cách sử dụng các cấu kiện mạng như Cables, NIC, Modems Repeaters... trong quy

trình thiết kế mạng; 4- Quản trị mạng. Một hệ điều hành mạng tiêu biểu sẽ được chọn lựa làm phương tiện để trình bày những kiến thức cơ bản của học phần.

22. Phát triển hệ thống thông tin: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Hệ thống thông tin quản lý, Cơ sở dữ liệu

Học phần trình bày: khái niệm phân tích, thiết kế và cài đặt hệ thống thông tin quản lý theo 5 công đoạn của chu kỳ phát triển hệ thống thông tin. Đó là: 1- Đánh giá tính khả thi của dự án xây dựng hệ thống thông tin; 2- Phân tích hệ thống; 3- Thiết kế hệ thống thông tin quản lý; 4- Cài đặt hệ thống thông tin quản lý; 5- Vận hành và bảo trì hệ thống thông tin quản lý. Ngoài ra nội dung học phần đi sâu nghiên cứu quy trình phát triển và những kỹ thuật cần thiết cho quá trình xây dựng một hệ thống thông tin quản lý như sử dụng mô hình BFD và DFD.

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình khung ngành hệ thống thông tin quản lý trình độ cao đẳng để thiết kế các chương trình đào tạo cụ thể.

Chương trình khung giáo dục là những quy định của Nhà nước về cấu trúc, khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu cho từng ngành đào tạo và ứng với từng trình độ đào tạo. Đây là cơ sở giúp Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý chất lượng đào

tạo tại tất cả các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc.

4.1. Chương trình khung ngành Hệ thống thông tin quản lý trình độ cao đẳng được thiết kế theo hướng thuận lợi cho việc phát triển các chương trình đào tạo có cấu trúc kiểu đơn ngành (Single Major). Danh mục các học phần (môn học) và khối lượng của chúng quy định tại mục 3 của văn bản này chỉ là những quy định bắt buộc tối thiểu. Căn cứ vào mục tiêu, thời gian đào tạo, khối lượng và cơ cấu kiến thức quy định tại các mục 1 và 2, các trường bổ sung những học phần cần thiết để xây dựng chương trình đào tạo cụ thể của trường mình với tổng khối lượng không dưới 140 đvht (chưa kể các nội dung về Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng).

4.2. Phần kiến thức chuyên ngành (nếu có) thuộc ngành Hệ thống thông tin quản lý có thể được thiết kế theo từng lĩnh vực hẹp của ngành Hệ thống thông tin quản lý, hoặc theo hướng phát triển theo một ngành thứ hai khác. Ví dụ như: Tin học kinh tế, Tin học quản lý, Tin học kế toán...

Sự khác biệt về nội dung đào tạo giữa các chuyên ngành nằm trong giới hạn 20% kiến thức chung của ngành.

4.3. Phần kiến thức bổ trợ (nếu có) được trường thiết kế theo hướng bổ trí

các nội dung được chọn tự do, liên quan tới một hoặc nhiều ngành đào tạo khác với ngành Hệ thống thông tin quản lý, nhưng xét thấy có lợi cho việc mở rộng năng lực hoạt động của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

4.4. Chương trình đào tạo ngành Hệ thống thông tin quản lý trình độ cao đẳng cần được phát triển theo hướng coi trọng tính tác nghiệp cho sinh viên, giúp họ có khả năng hòa nhập vào môi trường hoạt động của một ngành khoa học giao thoa đang phát triển vô cùng mau lẹ trong

việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý.

4.5. Giám đốc các đại học (học viện), Hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng ký quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành Hệ thống thông tin quản lý trình độ cao đẳng để triển khai thực hiện trong phạm vi trường mình./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bành Tiến Long